



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 510  
Báo cáo tài chính**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	5 - 6
• Bảng cân đối kế toán	7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 510 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 510 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Công trình Giao thông 510) theo Quyết định số 1228/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 29/04/2004. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000115 ngày 08/10/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14/08/2014 với mã số doanh nghiệp là 4200237892. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 19.350.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5) chiếm tỷ lệ 35,01%.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NMK theo quyết định số 736/QĐ – SGDHN ngày 31/12/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch chính thức của cổ phiếu là 05/03/2015.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 058.3881749
- Fax: (84) 058.3882634
- Website: [www.510.vn](http://www.510.vn)
- Email: [congy510@510.vn](mailto:congy510@510.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông nhựa, bê tông xi măng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông trong và ngoài nước, bao gồm: nền, móng, mặt đường, cầu, cống, đường băng sân bay;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, bến cảng, đường dây và trạm điện 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: vận chuyển đất, đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu-đường bộ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: sửa chữa phương tiện xe máy và thiết bị thi công;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ giao thông vận tải;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi.

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 227 người. Trong đó nhân viên quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

• Ông Lê Bá Tổ	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Đào Duy Tụng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Trần Hải Quảng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Nguyễn Văn Hán	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Trần Mạnh Tuyên	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Ngô Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2014
• Ông Cao Ngọc Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2014
• Ông Phạm Thế Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2014

### *Ban Kiểm soát*

• Ông Nguyễn Phước Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/05/2014
• Bà Hồ Thị Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2014
• Ông Nguyễn Văn Trị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2014

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

• Ông Đào Duy Tụng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/01/2014
• Ông Lê Bá Tổ	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2009 Miễn nhiệm ngày 02/01/2014
• Ông Nguyễn Văn Hán	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2009
• Ông Trần Mạnh Tuyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2009
• Ông Đào Xuân Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2014
• Ông Trần Công Thạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/10/2014
• Ông Trần Hải Quảng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/09/2010
	Kiểm kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Bá Tố

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dnng.vn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 478/2015/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 510

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 510 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30/03/2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H  
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN  
AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.282.401.803</b>	<b>136.616.499.124</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.481.651.860	762.861.190
1. Tiền	111		8.481.651.860	762.861.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.028.660.358	39.731.604.652
1. Phải thu khách hàng	131		48.795.691.245	33.425.096.620
2. Trả trước cho người bán	132		1.952.464.524	5.658.435.533
3. Các khoản phải thu khác	135	6	2.446.278.589	813.846.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(165.774.000)	(165.774.000)
IV. Hàng tồn kho	140		26.391.766.619	72.784.881.411
1. Hàng tồn kho	141	7	26.391.766.619	72.784.881.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.380.322.966	23.337.151.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	-	2.393.775.726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		154.453.270	4.387.322.602
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	23.225.869.696	16.556.053.543
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.086.164.313</b>	<b>30.453.973.748</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.909.756.207	30.453.973.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	26.909.756.207	27.065.766.948
- Nguyên giá	222		79.498.490.333	71.374.470.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.588.734.126)	(44.308.703.633)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	3.388.206.800
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.176.408.106	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.176.408.106	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156.368.566.116</b>	<b>167.070.472.872</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>122.481.606.338</b>	<b>146.167.653.685</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>116.162.880.033</b>	<b>131.901.081.830</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	34.016.437.485	62.249.077.664
2. Phải trả người bán	312		18.597.636.906	51.747.490.872
3. Người mua trả tiền trước	313		7.160.138.094	2.021.418.527
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.829.621.821	1.624.461.288
5. Phải trả người lao động	315		15.163.710.412	4.577.138.663
6. Chi phí phải trả	316	15	4.075.524.678	2.708.998.330
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.631.926.420	6.565.891.610
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		28.214.214.083	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		473.670.134	406.604.876
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.318.726.305</b>	<b>14.266.571.855</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	5.864.180.850	13.812.026.400
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		454.545.455	454.545.455
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.886.959.778</b>	<b>20.902.819.187</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>33.886.959.778</b>	<b>20.902.819.187</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	19.350.000.000	14.087.490.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	-	(32.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	1.243.377.350	877.931.669
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	888.126.679	627.094.050
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	12.405.455.749	5.342.803.468
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>156.368.566.116</b>	<b>167.070.472.872</b>



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Bá Tô

Kế toán trưởng

Trần Hải Quảng

Người lập biểu

Lương Thị Hồng Vinh

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	292.501.027.664	276.323.571.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	292.501.027.664	276.323.571.895
4. Giá vốn hàng bán	11	20	250.940.937.475	245.026.088.367
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>41.560.090.189</u>	<u>31.297.483.528</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	56.581.568	28.097.962
7. Chi phí tài chính	22	22	10.155.717.151	10.243.154.092
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.366.360.780	7.174.383.468
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.980.157.897	13.677.042.111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>14.480.796.709</u>	<u>7.405.385.287</u>
11. Thu nhập khác	31	23	4.131.738.566	6.962.395.191
12. Chi phí khác	32	24	4.027.526.372	7.200.834.785
13. Lợi nhuận khác	40		<u>104.212.194</u>	<u>(238.439.594)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	<u>14.585.008.903</u>	<u>7.166.945.693</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	3.595.578.813	1.946.293.109
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	25	<u>10.989.430.090</u>	<u>5.220.652.584</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	6.697	3.706



Lê Bá Tô  
Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng

Trần Hải Quảng

Người lập biểu

Lương Thị Hồng Vinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	306.503.482.597	225.937.876.982
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(172.258.584.335)	(193.824.147.827)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(32.780.972.360)	(29.864.402.040)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8.122.858.222)	(6.640.397.067)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.162.752.803)	(1.282.073.922)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.779.446.289	18.034.789.704
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.034.062.631)	(27.027.829.116)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>60.923.698.535</b>	<b>(14.666.183.286)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.687.864.671)	(8.973.575.621)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	160.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.560.735	28.097.962
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.667.303.936)</b>	<b>(8.785.477.659)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	5.262.510.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	188.679.897.498	191.675.866.522
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(224.860.383.227)	(167.132.564.874)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.619.628.200)	(1.170.118.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(34.537.603.929)</b>	<b>23.373.183.248</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>22.718.790.670</b>	<b>(78.477.697)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	762.861.190	841.338.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>23.481.651.860</b>	<b>762.861.190</b>



Lê Bá Tổ

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Kế toán trưởng

Trần Hải Quang

Người lập biểu

Lương Thị Hồng Vinh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 510 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Công trình Giao thông 510) theo quyết định số 1228/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 29/04/2004. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000115 ngày 08/10/2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14/08/2014 với mã số doanh nghiệp là 4200237892. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng, sản xuất bê tông nhựa, bê tông xi măng;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông trong và ngoài nước, bao gồm: nền, móng, mặt đường, cầu, cống, đường băng sân bay;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp, bến cảng, đường dây và trạm điện 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: vận chuyển đất, đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế kết cấu công trình giao thông cầu- đường bộ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: sửa chữa phương tiện xe máy và thiết bị thi công;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ giao thông vận tải;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi.

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	8 - 14
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

### **4.6 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm tài chính khi phát sinh.

### **4.9 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó:
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với các hoạt động thi công, xây dựng.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.13 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	5.208.860.348	15.247.486
Tiền gửi ngân hàng	3.272.791.512	747.613.704
Tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	15.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.481.651.860</b>	<b>762.861.190</b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế GTGT vãng lai	80.117.488	-
Lãi dự thu	36.020.833	-
Thuế TNCN phải thu CBNV	21.473.770	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 5	948.395.000	-
Ban quản lý dự án Giao thông Đắk Lắk	15.000.000	15.000.000
Ban quản lý Phú Yên	25.000.000	25.000.000
Phải thu khác	1.320.271.498	773.846.499
<b>Cộng</b>	<b>2.446.278.589</b>	<b>813.846.499</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.020.040.833	10.040.719.648
Công cụ, dụng cụ	125.417.069	76.092.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.246.308.717	62.668.069.474
<b>Cộng</b>	<b>26.391.766.619</b>	<b>72.784.881.411</b>

### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ; Vật tư luân chuyển	-	2.393.775.726
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.393.775.726</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	23.224.869.696	16.525.979.898
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	30.073.645
<b>Cộng</b>	<b>23.225.869.696</b>	<b>16.556.053.543</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.904.748.803	60.659.848.527	8.360.234.300	449.638.951	71.374.470.581
Tăng trong năm	-	8.124.019.752	-	-	8.124.019.752
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.904.748.803</b>	<b>68.783.868.279</b>	<b>8.360.234.300</b>	<b>449.638.951</b>	<b>79.498.490.333</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	988.283.411	38.627.660.556	4.305.409.522	387.350.144	44.308.703.633
Khấu hao trong năm	66.591.672	7.089.230.570	1.083.456.051	40.752.200	8.280.030.493
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.054.875.083</b>	<b>45.716.891.126</b>	<b>5.388.865.573</b>	<b>428.102.344</b>	<b>52.588.734.126</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	916.465.392	22.032.187.971	4.054.824.778	62.288.807	27.065.766.948
<b>Số cuối năm</b>	<b>849.873.720</b>	<b>23.066.977.153</b>	<b>2.971.368.727</b>	<b>21.536.607</b>	<b>26.909.756.207</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 32.573.000.311 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 27.045.109.157 đồng.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xe đúc	-	3.388.206.800
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.388.206.800</b>

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ; Vật tư luân chuyển	3.071.671.743	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	104.736.363	-
<b>Cộng</b>	<b>3.176.408.106</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	30.363.567.485	57.776.109.864
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Khánh Hòa	29.737.011.485	51.825.759.864
- Vay cá nhân	626.556.000	5.950.350.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.652.870.000	4.472.967.800
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Khánh Hòa	3.652.870.000	4.472.967.800
<b>Cộng</b>	<b>34.016.437.485</b>	<b>62.249.077.664</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.156.638.893	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.661.127.822	1.228.301.812
Thuế thu nhập cá nhân	11.855.106	69.712.676
Tiền thuế đất	-	326.446.800
<b>Cộng</b>	<b>5.829.621.821</b>	<b>1.624.461.288</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	373.995.220	1.130.492.662
Phí thương hiệu Tổng Công ty XDCT Giao thông 5	1.529.458	821.414.759
Chi phí thuê máy	-	709.090.909
Chi phí thuê địa giáo	800.000.000	-
Chi phí thuê cọc ván thép	2.000.000.000	-
Chi phí lao dâm cầu Đa Dung	900.000.000	-
Chi phí trích trước	-	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.075.524.678</b>	<b>2.708.998.330</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	230.936.949	328.934.429
Bảo hiểm xã hội	1.326.944.535	2.649.435.338
Phan Thăng	8.500.000	16.500.000
Nguyễn Hải Định	-	365.232.119
Nguyễn Chính Nghĩa	-	279.313.139
Nguyễn Xuân Dự	-	263.355.669
Cổ tức phải trả	-	1.083.880.000
Cổ tức của cổ đông chưa nhận	41.458.977	-
Phải trả khác	1.024.085.959	1.579.240.916
<b>Cộng</b>	<b>2.631.926.420</b>	<b>6.565.891.610</b>

### 17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	5.864.180.850	8.812.026.400
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Khánh Hòa	5.864.180.850	8.812.026.400
Nợ dài hạn	-	5.000.000.000
- Tổng Công ty XDCT Giao thông 5	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.864.180.850</b>	<b>13.812.026.400</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 01/2009/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua giàn khoan. Lãi suất cho vay: 10,5%/năm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/03/HĐ, 05/2008/HĐTC, 01/2009/HĐTC.

- Hợp đồng vay số 01/2011/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua 2 xe bồn trộn bê tông. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐTC ngày 16/03/2011. Hạn mức vay: 952.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2011/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua Búa rung, máy xúc lật bánh lốp, máy phát điện, trạm trộn bê tông. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 02/2011/HĐTC ngày 09/05/2011. Hạn mức vay: 1.700.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua 120 Cọc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

ván thép. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01A/2011, 01B/2011/HĐTC, 01/2010/HĐTC, 01/2009/HĐTC, 01/2012. Hạn mức vay: 1.180.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2011/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua Máy cẩu bánh xích Sumimoto 50 tấn. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01A/2011, 01/2012/PLHĐTC, 01B/2011/HĐTC, 01/2010/HĐTC, 01/2009/HĐTC, 01/2012. Hạn mức vay: 2.660.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 04/2012/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: mua Máy cẩu bánh xích (đã qua sử dụng, chất lượng >80%). Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐTC, 01B/2011/HĐTC, 01/2012/PLHĐTC, 02/2012/HĐTC, 01/2009/HĐTC. Hạn mức vay: 2.590.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2013/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua hệ thống xe đúc. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 02/2013/HĐTC. Hạn mức vay: 4.815.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 01/2013/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua ô tô đầu kéo mới. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC. Hạn mức vay: 623.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 03/2013/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua mới xe Maz TL. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 03/2013/HĐTC. Hạn mức vay: 744.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 04/2013/HĐTD với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư mua lại Cán Trục Tháp để phục vụ cho hoạt động thi công công trình. Lãi suất cho vay: theo lãi suất cho vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa công bố cho từng thời điểm. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 04/2013/HĐTC. Hạn mức vay: 500.000.000 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2013	14.087.490.000	(32.500.000)	666.998.363	476.427.403	3.039.082.531	18.237.498.297
Tăng trong năm	-	-	210.933.306	150.666.647	5.220.652.584	5.582.252.537
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.916.931.647	2.916.931.647
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>14.087.490.000</b>	<b>(32.500.000)</b>	<b>877.931.669</b>	<b>627.094.050</b>	<b>5.342.803.468</b>	<b>20.902.819.187</b>
Số dư tại 01/01/2014	14.087.490.000	(32.500.000)	877.931.669	627.094.050	5.342.803.468	20.902.819.187
Tăng trong năm	5.262.510.000	32.500.000	365.445.681	261.032.629	10.989.430.090	16.910.918.400
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.926.777.809	3.926.777.809
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>19.350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.243.377.350</b>	<b>888.126.679</b>	<b>12.405.455.749</b>	<b>33.886.959.778</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty XDCT Giao thông 5	6.774.250.000	6.774.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.575.750.000	7.313.240.000
<b>Cộng</b>	<b>19.350.000.000</b>	<b>14.087.490.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.935.000	1.408.749
- Cổ phiếu thường	1.935.000	1.408.749
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.935.000	1.408.749
- Cổ phiếu thường	1.935.000	1.408.749
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.342.803.468	3.039.082.531
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.989.430.090	5.220.652.584
Phân phối lợi nhuận	3.926.777.809	2.916.931.647
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	3.926.777.809	2.916.931.647
- Trích quỹ đầu tư phát triển	365.445.681	210.933.306
- Trích quỹ dự phòng tài chính	261.032.629	150.666.647
- Trích quỹ khen thưởng	261.032.629	150.666.647
- Trích quỹ phúc lợi	261.032.629	150.666.647
- Trích quỹ thưởng BQL điều hành công ty	209.986.041	-
- Trả cổ tức	2.535.748.200	2.253.998.400
- Bù trừ giá trị thặng dư vốn cổ phần	32.500.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>12.405.455.749</b>	<b>5.342.803.468</b>

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 103/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/05/2014 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2013 như sau: chi trả cổ tức 18% vốn điều lệ và trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty.

### 19. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>292.501.027.664</b>	<b>276.323.571.895</b>
+ Doanh thu xây lắp	292.501.027.664	276.323.571.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>292.501.027.664</b>	<b>276.323.571.895</b>

### 20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn công trình xây lắp	250.940.937.475	245.026.088.367
<b>Cộng</b>	<b>250.940.937.475</b>	<b>245.026.088.367</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.581.568	28.097.962
<b>Cộng</b>	<b>56.581.568</b>	<b>28.097.962</b>

### 22. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	7.366.360.780	7.174.383.468
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.946.115.638	2.456.074.082
Lãi trả chậm theo hợp đồng	475.741.765	549.016.542
Lãi chậm nộp BHXH	295.883.968	-
Chi phí tài chính khác	71.615.000	63.680.000
<b>Cộng</b>	<b>10.155.717.151</b>	<b>10.243.154.092</b>

### 23. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ nhượng bán góii cầu Cửa Đại	2.000.695.019	-
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng vật tư	1.029.473.009	5.053.230.192
Thu nhập từ bán thanh lý TSCĐ	-	145.454.545
Thu nhập từ cho thuê tài sản	794.508.917	774.465.316
Thu nhập lắp đặt trạm biến áp cầu Sông Cái	-	100.347.968
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường	-	646.123.000
Thu nhập từ tiền bồi thường trộm cắp vật tư	-	120.000.000
Thu nhập từ tiền bồi thường đắm cầu Sông Ba	259.061.621	-
Thu nhập khác	48.000.000	122.774.170
<b>Cộng</b>	<b>4.131.738.566</b>	<b>6.962.395.191</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhượng bán gói cầu Cửa Đại	1.990.741.308	-
Lãi chậm nộp BHXH	-	236.549.676
Phạt thuế, truy thu thuế	97.779.368	236.196.555
Chi hỗ trợ	56.400.000	50.500.000
Chi phí hoạt động bán thanh lý, chuyển nhượng vật tư	80.328.651	4.678.953.990
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	101.567.887
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.543.215.424	279.360.000
Chi phí lắp đặt trạm biến áp cầu Sông Cái	-	100.347.968
Giá trị vật tư bị mất	-	144.690.000
Chi phí thuê cọc ván thép	-	585.115.316
Chi phí cầu tạm bị lũ cuốn	-	646.123.000
Kinh phí bồi thường đắm cầu sông Ba	259.061.621	-
Chi phí khác	-	141.430.393
<b>Cộng</b>	<b>4.027.526.372</b>	<b>7.200.834.785</b>

### 25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.585.008.903	7.166.945.693
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.697.394.792	566.056.555
Điều chỉnh tăng	1.697.394.792	566.056.555
- Chi phí không được trừ	1.697.394.792	566.056.555
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	16.282.403.695	7.733.002.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.595.578.813	1.946.293.109
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh năm nay	3.582.128.813	1.933.250.562
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	13.450.000	13.042.547
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>10.989.430.090</b>	<b>5.220.652.584</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.989.430.090	5.220.652.584
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.989.430.090	5.220.652.584
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.640.876	1.408.749
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.697</b>	<b>3.706</b>

### 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.835.511.816	141.167.684.073
Chi phí nhân công	44.213.682.194	31.717.689.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.081.590.493	3.591.503.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.891.298.743	59.512.139.088
Chi phí khác bằng tiền	2.355.146.464	2.062.033.065
<b>Cộng</b>	<b>201.377.229.710</b>	<b>238.051.048.466</b>

### 28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực là xây lắp công trình và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 29. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên Công ty chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu dùng cho hoạt động xây dựng. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với giá bán thấp nhất có thể, tập trung số lượng đặt hàng lớn để được hưởng các chính sách ưu đãi về giá từ nhà cung cấp đồng thời theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các đơn vị thuộc các Tập đoàn lớn và các Ban quản lý dự án. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, đồng thời Công ty cũng có nhiều biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, đơn đốc thu hồi công nợ.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	34.016.437.485	5.864.180.850	39.880.618.335
Phải trả người bán	18.597.636.906	-	18.597.636.906
Chi phí phải trả	4.075.524.678	-	4.075.524.678
Phải trả khác	1.074.044.936	-	1.074.044.936
<b>Cộng</b>	<b>57.763.644.005</b>	<b>5.864.180.850</b>	<b>63.627.824.855</b>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	62.249.077.664	13.812.026.400	76.061.104.064
Phải trả người bán	51.747.490.872	-	51.747.490.872
Chi phí phải trả	2.708.998.330	-	2.708.998.330
Phải trả khác	3.587.521.843	-	3.587.521.843
<b>Cộng</b>	<b>120.293.088.709</b>	<b>13.812.026.400</b>	<b>134.105.115.109</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.481.651.860	-	23.481.651.860
Phải thu khách hàng	48.629.917.245	-	48.629.917.245
Phải thu khác	2.366.161.101	-	2.366.161.101
Tài sản tài chính khác	1.000.000	-	1.000.000
<b>Cộng</b>	<b>74.478.730.206</b>	<b>-</b>	<b>74.478.730.206</b>
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	762.861.190	-	762.861.190
Phải thu khách hàng	33.259.322.620	-	33.259.322.620
Phải thu khác	813.846.499	-	813.846.499
Tài sản tài chính khác	30.073.645	-	30.073.645
<b>Cộng</b>	<b>34.866.103.954</b>	<b>-</b>	<b>34.866.103.954</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Nghiệp vụ với các bên liên quan

#### a. Thông tin các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty XDCT Giao thông 5	Cổ đông

#### b. Nghiệp vụ với các bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng Công ty XDCT Giao thông 5</b>		
Cổ tức phải trả	1.219.365.000	-
Chi trả cổ tức	2.303.245.000	-
Cung cấp dịch vụ	249.171.497.496	90.864.321.432
Vay dài hạn	-	5.000.000.000
Trả nợ vay dài hạn	5.000.000.000	-
Phí thương hiệu	2.664.670.441	-
Cho mượn	948.395.000	-

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	150.000.000	115.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	768.872.763	775.099.431
<b>Cộng</b>	<b>918.872.763</b>	<b>890.099.431</b>

#### c. Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tổng Công ty XDCT Giao thông 5</b>		
Cổ tức phải trả	-	1.083.880.000
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	36.266.284.050	152.026.185
Nợ dài hạn	-	5.000.000.000
Phí thương hiệu phải trả	1.529.458	828.703.645
Phải thu khác	948.395.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán


Ngày 15/01/2015, Công ty thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014. Theo đó, ngày cuối cùng chốt danh sách cổ đông là ngày 06/02/2015. Ngày thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 là ngày 02/03/2015. Tỷ lệ tạm ứng là 8%/cổ phiếu.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
  
Lê Bá Tố

Kế toán trưởng  
  
Trần Hải Quang

Người lập biểu  
  
Lương Thị Hồng Vinh

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2015

